

Bản án số:124/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 24-7-2019  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Ông Hà Văn Nhiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2709/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị VTT, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 1, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh LYJ, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 448, C, Hàn Quốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn là chị VTT trình bày:

Tháng 4 năm 2018, chị VTT và anh LYJ quen biết nhau và tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Ngày 29/6/2018, anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, chị VTT và anh LYJ sinh sống tại nhà chị VTT ở Việt Nam. Trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh LYJ thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến tình cảm của chị VTT và gia đình chị VTT. Sau khoảng thời gian 04 đến 05 tháng, anh LYJ trở về Hàn Quốc để làm thủ tục bảo lãnh cho chị VTT sang Hàn Quốc đoàn tụ nhưng không được. Từ đó đến nay

chị VTT và anh LYJ không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc với nhau. Đến nay, chị VTT xác định tình cảm không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh LYJ.

Về con chung và tài sản chung: Chị VTT và anh LYJ không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh LYJ thống nhất với lời trình bày của chị VTT về việc kết hôn, quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh trở về Hàn Quốc làm thủ tục bảo lãnh cho chị VTT sang Hàn Quốc đoàn tụ nhưng không được vì anh không có bằng lương hàng tháng. Kể từ đó anh LYJ và chị VTT ít liên lạc với nhau. Thời gian anh về Việt Nam chơi, giữa anh và chị VTT đã nảy sinh ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, chị VTT hay cáu gắt nên anh chán và bỏ về Hàn Quốc. Đến nay giữa anh và chị VTT không còn liên lạc với nhau nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị VTT được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Anh LYJ xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh LYJ đang ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị VTT vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị VTT vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh LYJ. Bị đơn anh LYJ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đơn của anh LYJ được xác nhận bởi Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị VTT có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh LYJ. Chị VTT có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng, anh LYJ cư trú tại Hàn Quốc. Anh chị đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị VTT là nguyên đơn, anh LYJ là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị VTT và anh LYJ.

-Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị VTT và anh LYJ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị VTT và anh LYJ thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau, mỗi người một nơi, không có khả năng đoàn tụ, đến nay vợ chồng không còn có sự quan tâm đến nhau. Như vậy, xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị VTT và anh LYJ đề nghị ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị VTT và anh LYJ.

[5] Về con chung và tài sản chung: Anh chị thống nhất khai không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị VTT là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị VTT và anh LYJ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị VTT được ly hôn anh LYJ.
2. Về con chung: Chị VTT và anh LYJ khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị VTT và anh LYJ khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị VTT phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001928 ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị VTT đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị VTT được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh LYJ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND huyện D, tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thị Thanh Vân**